

Bản án số: 164/2023/HS-PT

Ngày: 14-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Khắc Thịnh

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Ông Phạm Minh Tùng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**
Bà Lưu Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 106/2023/TLPT-HS ngày 05 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo **Trần Quang M** và các đồng phạm. Do có kháng cáo của bị cáo **Trần Quang M**, **Trần Thanh P**, **Phan Văn T**, **Huỳnh Linh T1**, **Nguyễn Văn T2**, **Huỳnh Văn C** và **Võ Hoàng C1** đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2023/HS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

1. **Trần Quang M**, sinh năm: 1987, tại Đồng Tháp; tên gọi khác: **P1**; nơi cư trú: **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp**; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn M1** và con bà **Dương Thị B**; có vợ và 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi trú và hiện đang tại ngoại tại: **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp**. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. **Trần Thanh P**, sinh năm: 1997, tại Đồng Tháp; nơi cư trú: **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp**; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Thanh T3** và con bà **Lê Thị Tuyết M2**; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi trú và hiện đang tại ngoại tại: **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp**. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. **Phan Văn T**, sinh năm: 1997, tại Đồng Tháp; nơi cư trú: 250, **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp**; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12;

dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn B1 và con bà Nguyễn Thị Bé T4; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi trú và hiện đang tại ngoại tại: 250, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

4. Huỳnh Linh T1, sinh năm: 1999, tại Đồng Tháp; nơi cư trú: 176, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Hữu N và con bà Phan Thị P2; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi trú và hiện đang tại ngoại tại: 176, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

5. Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1998, tại Đồng Tháp; tên gọi khác: Chứng; nơi cư trú: 97A/6, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn D và con bà Dương Thị Ngọc E; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi trú và hiện đang tại ngoại tại: I, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

6. Huỳnh Văn C, sinh năm: 1992, tại Đồng Tháp; nơi cư trú: Tổ H, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Phước N1 và con bà Châu Thị Bé B2; Có vợ chưa có con; tiền án: Ngày 28/8/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 06 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 25/11/2019, chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 03/02/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 09 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 06/4/2012 và chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/7/2012, được đương nhiên xóa án tích; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi trú và hiện đang tại ngoại tại: Tổ H, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

7. Võ Hoàng C1, sinh năm: 1988, tại Đồng Tháp; tên gọi khác: T5; nơi cư trú: 671/1, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở: 31/1, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn M3 và con bà Nguyễn Thị S; có vợ và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi trú và hiện đang tại ngoại tại: 31/1, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho các bị cáo Trần Quang M, Trần Thanh P, Phan Văn T, Huỳnh Linh T1, Nguyễn Văn T2, Huỳnh Văn C và Võ Hoàng C1 theo yêu cầu: Luật sư Phạm Văn V - Công ty L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt).

Trong vụ án còn có bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 29/3/2022, sau khi uống rượu xong, ông **Lâm Hồng T6** về nhà thuộc khu dân cư **ấp L, xã L, huyện L** nhìn thấy một số tàu dừa của bà **Dương Thị Ú** ngã sang phần đất của ông **T6**. Do hai bên gia đình đã có mâu thuẫn từ trước nên ông **T6** dùng tay nắm một tàu dừa giật mạnh làm cho 01 buồng dừa rơi xuống đất. Lúc này, bà **Ú** và chồng là ông **Phan Văn T7** đang ở trong sân nhà phát hiện nên hai bên cãi nhau. Trong lúc cự cãi, bà **Ú** nhặt lấy 01 cây trúc khô, chiều dài khoảng 01 mét, còn ông **T7** nhặt lấy 01 cái leng cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại, chiều dài khoảng 01 mét đi ra đứng trước cửa hàng rào tiếp tục cãi nhau với ông **T6**. Thấy trên tay vợ chồng bà **Ú** có cầm hung khí, ông **T6** chạy vào sân nhà lấy 01 cái leng bằng kim loại hình chữ T, chạy ra đường nội bộ đánh nhau với vợ chồng bà **Ú**. Trong lúc đánh nhau, ông **T6** dùng leng đánh 01 cái trúng vào đỉnh đầu bên trái của bà **Ú** làm cho bà **Ú** ngã xuống mặt đường, ông **T6** tiếp tục xô xát, giằng co qua lại với ông **T7** nhưng cả 02 không có bị thương tích. Sau đó, ông **T6** đi vào hàng ba trước nhà nằm ngủ trên văng, còn bà **Ú** được mọi người đưa đến **Bệnh viện Đ1** cấp cứu.

Sau khi bà **Ú** bị đánh gây thương tích, ông **T7** điện thoại cho chị **Phan Thị Anh V1** con ruột ông **T7** biết. Do đang bận công việc nên chị **V1** điện thoại kể lại sự việc cho **Trần Quang M** là em bạn dì ruột của chị **V1** và nhờ **M** chạy đến nhà để đưa bà **Ú** đi cấp cứu. Thời điểm này, **M** đang chuẩn bị uống rượu tại nhà cùng với **Trần Thanh T3** cháu của **M**, **Huỳnh Linh T1** và một người bạn tên **B3** nhà ở Đồng Nai (không rõ họ tên, địa chỉ). **M** nói lại sự việc bà **Ú** bị đánh cho **T3**, **T1** và **B3** nghe rồi **M** lấy 01 cây búa chiều dài 80cm, cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại ở trước sân nhà bỏ vào 01 cái túi nhựa màu xanh đen, bên trong túi nhựa đã có sẵn 01 con dao bằng kim loại và kêu **T3**, **T1**, **B3** điều khiển xe mô tô chở nhau đến nhà bà **Ú** để đánh nhau, cả nhóm đồng ý. Sau đó, **T3** điều khiển xe mô tô loại Future màu đỏ, biển số 66S1-344.51 chở **M**; **T1** điều khiển xe mô tô loại Sirius màu bạc, biển số 66H5-5159 chở **B3** cùng nhau đến nhà bà **Ú**. Trước khi lên xe, **B3** nhặt lấy 01 khúc cây gỗ chiều dài khoảng 40-50cm cất giấu trong người. Chạy được khoảng 500 mét thì nhóm của **M** gặp **Phan Văn T** đang điều khiển xe mô tô loại Sirius màu đỏ đen, biển số 66C1-606.05 chở **Trần Thanh P** (anh em chú bác ruột với **M**) chạy theo hướng ngược lại để vào nhà **M** uống rượu. Tại đây, **M** kêu **T** và **P** chạy xe theo **M** có việc, biết nhóm **M** chuẩn bị đi đánh nhau nên cả 02 đồng ý.

Khi nhóm của **M** chạy đến đoạn đường trước cửa nhà **Huỳnh Văn C** thuộc **Tổ H, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp** thì tiếp tục gặp **C**, **Võ Hoàng C1** và 02 người thanh niên tên **T8**, **T9** (không rõ họ tên, địa chỉ) đang đứng ở ngoài đường. Biết nhóm của **M** đang đi tìm người khác để đánh nhau nên **C1** điều

khuyến xe mô tô loại Wave α màu xanh, biển số 66C1-507.33 chở **C** chạy theo nhóm **M**, mục đích để bênh vực, tiếp ứng cho **M** nếu có xảy ra đánh nhau. Trên đường đi, **C** kêu **C1** dừng xe lại nhặt lấy 01 khúc cây Bạch Đàn, chiều dài khoảng 50cm, trọng lượng khoảng 300-500 gam cất giấu trong người.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, nhóm của **M** tổng cộng có 08 người gồm: **M**, **T3**, **T1**, **B3**, **P**, **T**, **C** và **C1** chạy đến trước cửa hàng rào lưới B40 nhà ông **T6**. Lúc này, **M** nhìn thấy ông **T6** đang nằm ngủ trên võng trước hàng ba nhà nên bước xuống xe sau đó, **M** dùng tay đẩy cửa rào xông vào bên trong mở túi nhựa lấy cây búa cầm trên tay chạy đến chém nhiều cái trúng vào các vùng đầu, mặt của ông **T6**. Do bị đánh, ông **T6** nhặt lấy 01 ống tuýp bằng kim loại hình tròn, chiều dài 01 mét gần khu vực ông **T6** đang nằm đánh trả lại **M** để tự vệ. Thấy **M** đang đánh ông **T6**, **P** nhặt lấy con dao trong túi nhựa của **M**, **T** và **T1** thì nhặt lấy các mảnh tuýp lô bằng xi măng bên ngoài đường nội bộ, cả 03 chạy vào khu vực đánh nhau. **P** dùng dao chém nhiều cái trúng vào các vùng tay, hông và lưng của ông **T6**, còn **T** và **T1** dùng các mảnh tuýp lô bằng xi măng ném về phía ông **T6**.

Thấy nhóm của **M** có nhiều người cùng xông vào nhà đánh ông **T6**, còn ông **T6** chỉ có một mình nên **C** và **C1** chỉ đứng bên ngoài, cách vị trí đánh nhau khoảng 06 mét không có xông vào đánh tiếp. Trước và trong lúc **M**, **P**, **T**, **T1** đang đánh nhau, **C** cầm cây **Bạch Đ** và cùng với **C1**, **B3** dùng những lời lẽ thô tục chửi, kích động nhóm của **M** đánh ông **T6**. Thấy trên người ông **T6** bị chảy nhiều máu, Minh ném bỏ lại cây búa đã gây một phần cán tại hiện trường rồi kêu cả nhóm lên xe tẩu thoát. Trên đường về nhà, **B3**, **P**, **C** lần lượt ném bỏ hung khí nhưng không nhớ rõ đã ném ở đâu nên không thu hồi được. Còn ông **T6** được người dân xung quanh đưa đến **Bệnh viện Đ1** cấp cứu, điều trị đến ngày 05/4/2022 thì xuất viện. Sau đó, ông **T6** viết đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với nhóm của **M** theo quy định của pháp luật. Còn bà **Ú** thì viết đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với ông **T6** về hành vi cố ý gây thương tích cho bà **Ú**.

- Vật chứng, tài sản, đồ vật thu giữ tại hiện trường gồm:
 - + 01 cây búa cán bằng gỗ chiều dài 40cm, lưỡi bằng kim loại chiều dài 11cm, rộng 09cm, đầu cán gỗ bị gãy, nham nhở và 01 đoạn cán gỗ bị gãy chiều dài 40m, đường kính 07cm.
 - + 01 mảnh tuýp lô bị vỡ, kích thước dài nhất 42cm, rộng nhất 21cm.
 - + 01 mũ bảo hiểm màu xanh bị vỡ, có sọc màu trắng ở giữa và miếng xóp màu trắng.
 - + 01 chiếc dép màu đen, quai ngang trên quai dép có gắn hình đầu người.
 - + 02 chiếc dép lười màu vàng.
 - + 01 ống tuýp bằng kim loại hình tròn, chiều dài 01 mét, đường kính 03cm; 01 cái leng bằng kim loại hình chữ T, cán tròn dài 1,23 mét, đường kính 03cm, lưỡi dài 28cm, rộng 15,5cm bị cong vênh vào trong của ông **Lâm Hồng T6**.
 - + 02 cục gạch ống cùng kích thước chiều dài 16,5cm, rộng 7,5cm, cao 7,5cm của ông **Phan Văn T7**.

+ 01 USB màu xám, nhãn hiệu Kaku, bên trong có chứa 01 đoạn Video ghi lại hình ảnh nhóm **Trần Quang M** điều khiển xe mô tô chở nhau trên đường đi đến nhà ông **Lâm Hồng T6** để gây thương tích cho ông **T6** vào ngày 29/3/2022.

- Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện L** còn thu giữ:

+ 01 cái nón bảo hiểm màu đỏ, ở phía trước có chữ Honda, 02 bên hông nón có chữ **Honda Thu V2**; 01 cái áo khoác màu đen, trên ngực áo bên trái có chữ Drew màu vàng của **Trần Quang M**.

+ 01 cái nón bảo hiểm màu bạc, ở phía sau có chữ **Nón S1**; 01 cái áo sơ mi sọc ca rô màu xanh đen, phía trong cổ áo có chữ **C2** và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Future FI, số máy JC76E0317551, số khung RLHJC763XJZ011882, màu sơn đỏ đen, biển số 66S1-344.51 của **Nguyễn Văn T2**.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, số máy 3S41-001039, số khung 4105Y001039, màu sơn xám bạc, biển số 66H5-5159 của anh **Trần Văn T10**.

+ 01 cái nón bảo hiểm màu xanh; 01 cái áo sơ mi màu đen, phía sau cổ áo có chữ Lukasi của **Phan Văn T**.

+ 01 cái nón bảo hiểm màu đỏ, ở phía trước có chữ Adidas của **Huỳnh Văn C**.

Kết quả điều tra xác định nguồn gốc phương tiện mà các bị cáo **M**, **T2**, **T1**, **P**, **T**, **C1** và **C** sử dụng chở nhau đến nhà ông **T6**, như sau:

- Xe mô tô loại Future màu đỏ, biển số 66S1-344.51 là của bị can **T2** đứng tên chủ sở hữu.

- Xe mô tô loại Sirius màu bạc, biển số 66H5-5159 là của anh **Trần Văn T10** mua lại của anh **Nguyễn Văn H** nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Ngày 29/3/2022, bị cáo **T1** tự ý lấy xe mô tô của anh **T10** chở **B3** đến nhà ông **T6**, anh **T10** không biết.

- Xe mô tô loại Sirius màu đỏ đen, biển số 66C1-606.05 là của bị cáo **T** đứng tên chủ sở hữu; còn xe mô tô loại Wave α màu xanh, biển số 66C1-507.33 là của bị cáo **C1** đứng tên chủ sở hữu. Hiện nay, các bị cáo **T**, **C1** đã bán 02 xe mô tô cho 02 người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) ở Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 145/TgT ngày 19/4/2022 và bản kết luận giám định pháp y về thương tích bổ sung số 04/TgTBS ngày 05/5/2022 của Trung tâm pháp y thuộc **Sở Y tế tỉnh Đ** đối với **Lâm Thành T11**, hai kết luận trùng khớp với nhau như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương phần mềm từ mũi đến cằm dưới, kích thước trung bình. Tỷ lệ tổn thương 06%.

- Vết thương phần mềm vùng trán phải, kích thước nhỏ. Tỷ lệ tổn thương 03%.

- Vết thương phần mềm vùng thái dương trái, kích thước trung bình. Tỷ lệ tổn thương 02%.

- 02 vết thương phần mềm vùng ngực phải, ngón II mu bàn tay phải, kích thước nhỏ. Mỗi vết thương 01%.

- Vết thương phần mềm vùng lưng phải, kích thước trung bình. Tỷ lệ tổn thương 02%.

- Vết biến đổi sắc tố da vùng hông - lưng phải. Tỷ lệ tổn thương 01%.

2. Kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của **Lâm Hồng T6** do thương tích gây nên hiện tại là 15%. Tại thời điểm giám định.

3. Kết luận khác:

- Các tổn thương vùng thái dương trái, từ mũi đến cằm dưới, lưng phải do vật sắc bén gây ra.

- Các tổn thương còn lại do vật tày gây ra.

- Cơ chế hình thành tổn thương do ngoại lực tác động gây ra.

- Vết thương phần mềm từ mũi đến cằm dưới ảnh hưởng đến thẩm mỹ.

* Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 144/TgT ngày 19/4/2022 và bản kết luận giám định pháp y về thương tích bổ sung số 03/TgTBTS ngày 05/5/2022 của Trung tâm pháp y thuộc **Sở Y tế tỉnh Đ** đối với **Dương Thị Ú**, hai kết luận trùng khớp với nhau như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương phần mềm vùng đỉnh trái, kích thước nhỏ. Tỷ lệ tổn thương 01%.

- 03 vết biến đổi sắc tố da gò má trái, sống mũi, vai trái. Mỗi vết: 0,5%.

2. Kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của **Dương Thị Ú** do thương tích gây nên hiện tại là 02%. Tại thời điểm giám định.

3. Kết luận khác:

- Vết thương phần mềm vùng đỉnh trái do vật sắc gây ra.

- Các vết biến đổi sắc tố da do va chạm vật cứng gây ra.

- Cơ chế hình thành tổn thương do ngoại lực tác động trực tiếp gây ra.

- Các tổn thương trên không ảnh hưởng đến thẩm mỹ.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 143/TgT ngày 19/4/2022 và bản kết luận giám định pháp y về thương tích bổ sung số: 05/TgTBTS ngày 05/5/2022 của Trung tâm pháp y thuộc **Sở Y tế tỉnh Đ** đối với **Phan Văn T7**, hai kết luận trùng khớp với nhau như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Chấn thương phần mềm vùng đỉnh đầu, vùng hạ sườn phải không để lại dấu vết, không cho tỷ lệ phần trăm.

2. Kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của **Phan Văn T7** do thương tích gây nên hiện tại là 00%. Tại thời điểm giám định.

3. Kết luận khác:

- Các chấn thương phần mềm trên do vật tày gây ra.

- Cơ chế hình thành do ngoại lực tác động gây ra.

- Các chấn thương phần mềm trên không ảnh hưởng đến thẩm mỹ.

* Tại Kết luận giám định số 286/KL-KTHS ngày 12/4/2022 của **Phòng K Công an tỉnh Đ**, kết luận:

- Tập dữ liệu Video gửi giám định (nêu tại Mục II.1) không có dấu hiệu bị cắt, ghép, chỉnh sửa về nội dung hình ảnh.

- Đã trích xuất hình ảnh của 06 xe mô tô (mỗi xe chở 02 người) từ giây thứ 26 đến giây thứ 59 trong tập dữ liệu Video gửi giám định ra bản ảnh.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2023/HS-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung đã quyết định:

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Trần Quang M** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo **Trần Quang M** 03 năm 02 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Huỳnh Văn C** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Văn C** 02 năm 09 tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố các bị cáo **Trần Thanh P**, **Phan Văn T**, **Huỳnh Linh T1**, **Nguyễn Văn T2** và **Võ Hoàng C1** cùng phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Xử phạt bị cáo **Trần Thanh P** 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo **Phan Văn T** 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo **Huỳnh Linh T1** 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T2** 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo **Võ Hoàng C1** 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Cùng ngày 13 tháng 01 năm 2023, các bị cáo **Trần Quang M**, **Trần Thanh P**, **Phan Văn T**, **Huỳnh Linh T1**, **Nguyễn Văn T2**, **Huỳnh Văn C** và **Võ Hoàng C1** có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo **Trần Quang M**, **Trần Thanh P**, **Phan Văn T**, **Huỳnh Linh T1**, **Nguyễn Văn T2** và **Võ Hoàng C1** thay đổi nội dung kháng cáo, các bị cáo cùng xin giảm nhẹ hình phạt và xin được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ. Riêng bị cáo **Huỳnh Văn C** chỉ kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm: Hành vi của các bị cáo **Trần Quang M**, **Trần Thanh P**, **Phan Văn T**, **Huỳnh Linh T1**, **Nguyễn Văn T2**, **Huỳnh Văn C** và **Võ Hoàng C1** bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Sau khi án sơ thẩm tuyên, các bị cáo **Trần Quang M**, **Trần Thanh P**, **Phan Văn T**, **Huỳnh Linh T1**, **Nguyễn Văn T2** và **Võ Hoàng C1** thay đổi nội dung kháng cáo, các bị cáo cùng xin giảm nhẹ hình phạt và xin được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ. Riêng bị cáo **Huỳnh Văn C** chỉ kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo đều có cung cấp chứng cứ mới là sau khi án sơ thẩm tuyên, các bị cáo đã nộp toàn bộ tiền bồi thường, khắc phục hậu quả, tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo bản án sơ thẩm đã tuyên. Hầu hết các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn; đặc biệt các bị cáo **M**, **C**, **C1** có con còn nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới mà cấp sơ thẩm chưa xem xét cho bị cáo. Tuy nhiên các tình tiết giảm nhẹ này không phải là điều kiện để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cho các bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, sửa phần quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo, giảm nhẹ cho các bị cáo từ 03 đến 06 tháng tù.

Riêng bị cáo **Trần Quang M** được Chủ tịch **UBND tỉnh Đ** tặng bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phòng ngừa đấu tranh tội phạm, án sơ thẩm cho rằng “Người phạm tội đã lập công chuộc tội” và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo **M** là chưa phù hợp mà áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là “Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác” đối với bị cáo **M** mới phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa phần quyết định của bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật đối với bị cáo **Trần Quang M**.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo phát biểu quan điểm: Án sơ thẩm chưa xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo cũng như chưa xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự cho các bị cáo. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo không giam giữ, có cung cấp chứng cứ mới là sau khi án sơ thẩm tuyên, mặc dù gia đình có hoàn cảnh khó khăn nhưng các bị cáo đã nộp toàn bộ tiền bồi thường, khắc phục hậu quả, tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo bản án sơ thẩm đã tuyên. Các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, các bị cáo **M**, **C**, **C1** có con còn nhỏ; người bị hại cũng có một phần lỗi. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm hình phạt cho các bị cáo và áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự để cho các bị cáo được cải tạo không giam giữ.

Bị cáo **Trần Quang M**, **Trần Thanh P**, **Phan Văn T**, **Huỳnh Linh T1**, **Nguyễn Văn T2**, **Huỳnh Văn C** và **Võ Hoàng C1** không tranh luận. Lời nói sau cùng, các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo **Trần Quang M**, **Trần Thanh P**, **Phan Văn T**, **Huỳnh Linh T1**, **Nguyễn Văn T2**, **Huỳnh Văn C** và **Võ Hoàng C1** đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Do bệnh vực bà **Dương Thị Ú** và ông **Phan Văn T7** nên khoảng 15 giờ ngày 29/3/2022, **Trần Quang M** cùng với **Nguyễn Văn T2**, **Huỳnh Linh T1**, **Trần Thanh P**, **Phan Văn T**, **Huỳnh Văn C** và **Võ Hoàng C1** đến nhà của ông **Lâm Hồng T6** thuộc khu dân cư **ấp L**, **xã L**, **huyện L**, dùng dao, búa bằng kim loại, các mảnh tuýp lô bằng xi măng gây thương tích cho ông **T6** với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 15%, tại thời điểm giám định.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của các bị cáo **Trần Quang M**, **Trần Thanh P**, **Phan Văn T**, **Huỳnh Linh T1**, **Nguyễn Văn T2**, **Huỳnh Văn C** và **Võ Hoàng C1** là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật. Các bị cáo là người đã thành niên, có thể chất, tinh thần phát triển bình thường, có khả năng điều khiển hành vi, giao tiếp xã hội, nhận thức được pháp luật, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Xuất phát từ mâu thuẫn của người khác mà các bị cáo đã dùng dao, búa bằng kim loại, các mảnh tuýp lô bằng xi măng là hung khí nguy hiểm để gây thương tích cho ông **T6**. Các bị cáo nhận thức được dao, búa bằng kim loại, các mảnh tuýp lô bằng xi măng là hung khí nguy hiểm, nhận thức được việc dùng dao, búa bằng kim loại và các mảnh tuýp lô bằng xi măng tác động vào cơ thể người khác là sẽ gây thương tích, là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện và hậu quả đã xảy ra làm cho bị hại **T6** bị thiệt hại về sức khỏe với tổng tỷ lệ thương tật tại thời điểm giám định là 15%; chứng tỏ việc phạm tội của bị cáo là cố ý và thực hiện tội phạm đã hoàn thành.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo **Trần Quang M**, **Trần Thanh P**, **Phan Văn T**, **Huỳnh Linh T1**, **Nguyễn Văn T2**, **Huỳnh Văn C** và **Võ Hoàng C1** về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm cũng đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với từng bị cáo. Sau khi án sơ thẩm tuyên, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo không giam giữ, đã cung cấp chứng cứ mới là sau khi án sơ thẩm tuyên, các bị cáo đã nộp toàn bộ tiền bồi thường, khắc phục hậu quả, tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo bản án sơ thẩm đã tuyên. Các bị cáo đều là lao động

chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, trong đó các bị cáo M, C, C1 có con còn nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 mà các bị cáo mới cung cấp ở giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, cấp sơ thẩm chưa xem xét cho các bị cáo. Tuy nhiên các tình tiết giảm nhẹ này không phải là điều kiện để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cho các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, sửa phần quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo, giảm nhẹ cho các bị cáo một phần về hình phạt.

Ngoài ra, bị cáo Trần Quang M được Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp tặng bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phòng ngừa đấu tranh tội phạm, án sơ thẩm cho rằng “Người phạm tội đã lập công chuộc tội” và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo M là chưa phù hợp mà phải áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là “Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác” đối với bị cáo M là mới phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử sửa phần quyết định của bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật đối với bị cáo Trần Quang M.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét lời bào chữa cho các bị cáo của vị luật sư về các tình tiết giảm nhẹ là phù hợp nên chấp nhận. Riêng phần đề nghị cho các bị cáo được cải tạo không giam giữ là chưa phù hợp như đã nhận định ở phần trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của các bị cáo Trần Quang M, Trần Thanh P, Phan Văn T, Huỳnh Linh T1, Nguyễn Văn T2, Huỳnh Văn C và Võ Hoàng C1 được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trần Quang M, Trần Thanh P, Phan Văn T, Huỳnh Linh T1, Nguyễn Văn T2, Huỳnh Văn C và Võ Hoàng C1. Sửa phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

Sửa phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về phần áp dụng pháp luật đối với bị cáo Trần Quang M.

2. Tuyên bố các bị cáo **Trần Quang M**, **Trần Thanh P**, **Phan Văn T**, **Huỳnh Linh T1**, **Nguyễn Văn T2**, **Huỳnh Văn C** và **Võ Hoàng C1** cùng phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Quang M** 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Văn C** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Thanh P** 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Phan Văn T** 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo **Huỳnh Linh T1** 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T2** 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo **Võ Hoàng C1** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Các bị cáo **Trần Quang M**, **Trần Thanh P**, **Phan Văn T**, **Huỳnh Linh T1**, **Nguyễn Văn T2**, **Huỳnh Văn C** và **Võ Hoàng C1** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GDKT 1);
- VKSND Tỉnh;
- Ban nội chính Tỉnh ủy;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Lê Khắc Thịnh

- Sở Tư pháp Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- TAND huyện Lai Vung (21 bản);
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Lai Vung;
- Cơ quan THAHS CA huyện Lai Vung;
- Trại tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA Tòa án Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu VT, HSVA, (Nhật Minh).